

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : Kỹ thuật an toàn điện

Học kỳ: 2

Khóa học : CDK2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy

Phòng thi: Phòng A01

Ngày thi : 26/06/2026

Giờ thi: 9.30

Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	001	25CH1A_06	Nguyễn Đăng Khả Ai	101	1	4,0	Bốn	Nguyễn Đăng Khả	
2	002	25CH1A_02	Đỗ Ngọc Hoài An	102	1	5,0	Năm	Đỗ Ngọc Hoài	
3	003	25CH1B_01	Huỳnh Công An	103	1	4,5	Bốn lăm	Huỳnh Công	
4	004	25CH1B_02	Bùi Duy Anh	104	1	7,0	Bảy	Bùi Duy	
5	005	25CH1A_04	Dương Bá Anh	105	1	6,0	Sáu	Dương Bá	
6	006	25CH1D_01	Hứa Hải Anh	106	1	6,0	Sáu	Hứa Hải	
7	007	25CH1A_05	Huỳnh Nguyễn Ngọc Anh	107	1	4,0	Bốn	Huỳnh Nguyễn Ngọc	
8	008	25CS1A_53	Lê Hoàng Minh Anh	108	1	6,0	Sáu	Lê Hoàng Minh	
9	009	25CH1D_03	Nguyễn Hoàng Bảo Anh	109	1	6,0	Sáu	Nguyễn Hoàng Bảo	
10	010	25CH1B_04	Nguyễn Kim Anh	95	1	7,5	Bảy lăm	Nguyễn Kim	
11	011	25CS1A_01	Nguyễn Nhật Anh	96	1	6,0	Sáu	Nguyễn Nhật	
12	012	25CS1A_02	Nguyễn Thế Anh	97	1	6,0	Sáu	Nguyễn Thế	
13	013	25CS1A_03	Nguyễn Văn Đức Anh	98	1	4,0	Bốn	Nguyễn Văn Đức	
14	014	25CH1D_04	Nguyễn Vương Quốc Anh	99	1	6,5	Sáu lăm	Nguyễn Vương Quốc	
15	015	25CH1A_01	Phạm Nhật Anh	100	1	6,5	Sáu lăm	Phạm Nhật	
16	016	25CH1B_05	Vũ Trâm Anh	86	1	8,0	Tám	Vũ Trâm	
17	017	25CH1A_08	Nguyễn Khánh Băng	87	1	6,5	Sáu lăm	Nguyễn Khánh	
18	018	25CH1D_06	Bùi Gia Bảo	88	1	5,5	Năm lăm	Bùi Gia	
19	019	25CS1A_05	Nguyễn Huỳnh Hồng Bảo	89	1	6,5	Sáu lăm	Nguyễn Huỳnh Hồng	
20	020	25CH1A_07	Nguyễn Phan Gia Bảo	90	1	8,0	Tám	Nguyễn Phan Gia	
21	021	25CH1C_02	Nguyễn Quốc Bảo	91	1	8,0	Tám	Nguyễn Quốc	
22	022	25CH1D_07	Phùng Duy Bảo	92	1	6,5	Sáu lăm	Phùng Duy	
23	023	25CS1A_06	Nguyễn Tấn Bình	93	1	6,0	Sáu	Nguyễn Tấn	
24	024	25CH1B_06	Nguyễn Thanh Bình	94	1	4,5	Bốn lăm	Nguyễn Thanh	
25	025	25CH1B_07	Trương Nguyễn Thanh Bình						Bình
26	026	25CH1B_08	Lê Hoàng Chính	76	1	4,75	Bốn bảy lăm	Lê Hoàng	
27	027	25CS1A_07	Đoàn Quốc Cường	77	1	6,25	Sáu hai lăm	Đoàn Quốc	
28	028	25CH1B_09	Huỳnh Quốc Cường	78	1	8,25	Tám hai lăm	Huỳnh Quốc	
29	029	25CH1C_06	Trần Gia Đại	79	1	6,5	Sáu lăm	Trần Gia	
30	030	25CH1A_09	Trần Văn Dăng	80	1	7,25	Bảy hai lăm	Trần Văn	
31	031	25CS1A_10	Lê Nguyễn Hải Đăng	81	1	5,5	Năm lăm	Lê Nguyễn Hải	
32	032	25CH1D_11	Nguyễn Ngọc Đạo	82	1	5,0	Năm	Nguyễn Ngọc	
33	033	25CH1A_11	Phạm Thành Đạt	83	1	5,5	Năm lăm	Phạm Thành	
34	034	25CH1A_10	Hồ Ngọc Phương Du	84	1	6,5	Sáu lăm	Hồ Ngọc Phương	

35	035	25CH1D_12	Lê Minh	Đức	85	1	70	Bảy	Đ
----	-----	-----------	---------	-----	----	---	----	-----	---

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Tổng số: 35
Số sinh viên có mặt: 34
Số sinh vắng mặt: 01

Số bài thi: 34
Số tờ giấy thi: 34

Giám thị 1

Vua
Võ Đức Nhai
Duyệt
Trưởng khoa

Đặng Mạnh Cường

Giám thị 2

hanh
Đan Thị Hoàng Trâm
Thư ký khoa

hông

Hồng Tuyết Ngân

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : Kỹ thuật an toàn điện

Khóa học : CDK2025

Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy

Ngày thi : 26/06/2026

Học kỳ: 2

Năm học: 2025

Phòng thi: Phòng A02

Giờ thi: 9.30

Lần thi: 1

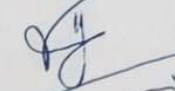
STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	036	25CS1A_08	Trần Tấn Dũng	28	1	3,25	Bahailan		
2	037	25CH1C_04	Đào Quốc Duy	29	1	5,5	Namhailan		
3	038	25CH1C_05	Hà Đình Duy	30	1	4,75	Bonbailan		
4	039	25CH1D_09	Huỳnh Minh Duy	31	1	4,5	Bonluoi		
5	040	25CH1B_10	Nguyễn Võ Thành Duy	32	1	4,5	Bonluoi		
6	041	25CH1B_11	Trần Thanh Duy	33	1	8,75	Tamhailan		
7	042	25CH1B_12	Huỳnh Văn Giàu	34	1	4,75	Bonbailan		
8	043	25CH1B_13	Chau Sây Ha	20	1	3,25	Bahailan		
9	044	25CH1C_07	Bùi Nguyễn Ngọc Hà	21	1	3,5	Baubi		
10	045	25CH1A_49	Đỗ Thị Hải	22	1	4,5	Bonluoi		
11	046	25CS1A_13	Nguyễn Võ Gia Hân	23	1	5,5	Namhailan		
12	047	25CH1A_13	Trần Mỹ Hằng	24	1	5,5	Namhailan		
13	048	25CH1A_12	Lê Thị Phúc Hạnh	25	1	9,0	Chin		
14	049	25CS1A_11	Nguyễn Phạm Gia Hào	26	1	5,75	Namhailan		
15	050	25CH1D_15	Nhan Hiếu Hậu	27	1	5,5	Namhailan		
16	051	25CH1A_14	Phạm Duy Trung Hậu	10	1	4,5	Bonluoi		
17	052	25CH1C_08	Trần Thanh Hậu	11	1	2,5	Hailuoi		
18	053	25CH1B_15	Lê Thanh Hiền	12	1	4,5	Bonluoi		
19	054	25CH1A_16	Đặng Hoàng Hiền	13	1	5,25	Namhailan		
20	055	25CS1A_14	Đào Ngọc Hiếu	14	1	5,25	Namhailan		
21	056	25CH1C_09	Hồ Trọng Hiếu	15	1	5,25	Namhailan		
22	057	25CH1A_15	Huỳnh Minh Hiếu	16	1	6,0	Say		
23	058	25CH1D_16	Nguyễn Minh Hiếu	17	1	7,0	Bay		
24	059	25CS1A_15	Trần Cao Minh Hiếu	18	1	3,25	Bahailan		
25	060	25CH1B_14	Trần Lê Trung Hiếu	19	1	3,25	Bahailan		
26	061	25CH1D_17	Trần Trung Hiếu	/	/	/	/		Vắng
27	062	25CH1B_18	Phạm Thanh Hùng	1	1	8,0	Tam		
28	063	25CS1A_19	Đặng Hải Hưng	2	1	9,5	Chinluoi		
29	064	25CH1D_21	Mai Gia Hưng	3	1	5,5	Namhailan		
30	065	25CH1C_14	Nguyễn Hữu Khánh Hưng	4	1	6,0	Say		
31	066	25CH1C_15	Trần Bá Hưng	5	1	4,75	Bonbailan		
32	067	25CH1A_18	Trương Gia Hưng	6	1	5,25	Namhailan		
33	068	25CH1B_19	Phan Cẩm Hường	7	1	3,25	Bahailan		
34	069	25CH1D_18	Cáp Hữu Gia Huy	8	1	4,75	Bonbailan		

35 | 070 | 25CH11C_10 | Chu Trọng Huy | 9 | 1 | A.S | Bôn hời | ngày ... tháng ... năm 20...
Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Tổng số: 35
Số sinh viên có mặt: 34.
Số sinh vắng mặt: 01.

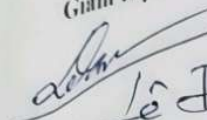
Số bài thi: 34
Số tờ giấy thi: 34.

Giám thị 2

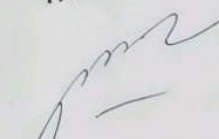

Hồ Ngọc Tường Vy
Thư ký khoa


Hồng Tuyết Ngân

Giám thị 1


Lê Dân
Duyệt

Trưởng khoa


Đặng Mạnh Cường

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : Kỹ thuật an toàn điện

Khóa học : CDK2025

Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy

Ngày thi : 26/06/2026

Học kỳ: 2

Năm học: 2025

Phòng thi: Phòng A04

Giờ thi: 9.30

Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	071	25CH1D_19	Hồ Gia Huy						Vắng
2	072	25CH1D_20	Ngô Quốc Huy	140	1	5,0	Năm	Huy	
3	073	25CH1B_16	Nguyễn Đăng Huy	141	1	3,5	Ba lười	Huy	
4	074	25CH1C_11	Nguyễn Quốc Huy	142	1	5,0	Năm	Huy	
5	075	25CH1B_17	Nguyễn Tuấn Huy	143	1	5,0	Năm	Huy	
6	076	25CH1C_12	Trần Nguyễn Anh Huy	131	1	6,0	Say	Huy	
7	077	25CS1A_16	Trần Nhật Huy	132	1	7,0	Bảy	Huy	
8	078	25CS1A_17	Võ Trọng Huy	133	1	5,0	Năm	Huy	
9	079	25CH1D_22	Thành San Hy	134	1	4,0	Bốn	San	
10	080	25CH1C_16	Phạm Tấn Kha	135	1	3,5	Ba lười	Kha	
11	081	25CH1C_18	Lê Thế Khải	136	1	7,0	Bảy	Khai	
12	082	25CH1B_20	Huỳnh Tuấn Khanh	137	1	6,0	Say	Khanh	
13	083	25CS1A_20	Phan Hoàng Khanh	138	1	6,0	Say	Khanh	
14	084	25CS1A_21	Lương Vũ Duy Khánh	139	1	6,5	Sáu lười	Khanh	
15	085	25CH1A_19S	Nguyễn Quốc Khánh	125	1	4,5	Bốn lười	Khanh	
16	086	25CH1B_21	Nguyễn Anh Khoa	126	1	4,0	Bốn	Khoa	
17	087	25CH1D_25	Trần Nguyễn Anh Khoa	127	1	4,0	Bốn	Khoa	
18	088	25CS1A_22	Trần Nguyễn Đăng Khoa	128	1	4,0	Bốn	Khoa	
19	089	25CH1A_20	Võ Anh Khoa	129	1	3,5	Ba lười	Khoa	
20	090	25CH1C_19	Hồ Minh Khôi	130	1	5,0	Năm	Khôi	
21	091	25CH1B_22	Nguyễn Văn Kiên	116	1	6,0	Say	Kien	
22	092	25CH1A_21	Dương Gia Kiệt	117	1	5,0	Năm	Kiet	
23	093	25CH1A_22	Phan Gia Kiệt	118	1	3,5	Ba lười	Kiet	
24	094	25CH1B_23	Trần Bùi Gia Kiệt	119	1	3,5	Ba lười	Kiet	
25	095	25CS1A_23	Trần Đức Tuấn Kiệt	120	1	5,0	Năm	Kiet	
26	096	25CH1B_24	Trần Tuấn Kiệt	121	1	5,5	Năm lười	Kiet	
27	097	25CH1B_25	Hồ Trương Khánh Kỳ	122	1	5,0	Năm	Ky	
28	098	25CH1A_24	Lê Trần Đại Lâm	123	1	2,5	Hai lười	Lam	
29	099	25CH1C_21	Ngô Thành Lâm	124	1	4,5	Bốn lười	Lam	
30	100	25CH1C_23	Ngô Tấn Lộc	110	1	5,5	Năm lười	Loc	
31	101	25CS1A_24	Nguyễn Phúc Lộc	111	1	3,0	Ba	Loc	
32	102	25CH1D_28	Nguyễn Hoàng Long	112	1	4,0	Bốn	Long	
33	103	25CH1C_22	Nguyễn Thiên Long	113	1	5,5	Năm lười	Long	
34	104	25CH1C_25	Võ Nguyễn Hữu Luân	114	1	5,0	Năm	Luân	

35 | 105 | 2SCS1A_27 | Lê Hoàng Minh | Mần | 415 | 1 | 3,5 | Bawoi | 17 |
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2026

Tổng số: 35
Số sinh viên có mặt: 34
Số sinh vắng mặt: 1

Số bài thi: 34
Số tờ giấy thi: 34

Giám thị 1

Thư Hương
Đuyệt

Duyệt
Trưởng khoa

Đặng Mạnh Cường

Giám thị 2

Hồng Tuyết Ngân
Thư ký khoa

Hồng Tuyết Ngân

Hồng Tuyết Ngân

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : Kỹ thuật an toàn điện

Khóa học : CDK2025

Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy

Ngày thi : 26/06/2026

Học kỳ: 2

Năm học: 2025

Phòng thi: Phòng A05

Giờ thi: 9.30 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	106	25CS1A_25	Nguyễn Đại Mạnh	189	1	5,0	Nam		
2	107	25CH1A_26	Trần Bình Minh	190	1	6,5	Sau lười	Minh	
3	108	25CS1A_28	Trần Gia Minh	191	1	5,5	Nam lười	Minh	
4	109	25CH1D_29	Lê Kiều My	192	1	6,0	Sau		
5	110	25CS1A_29	Nguyễn Vũ Hoài Nam	193	1	5,0	Nam		
6	111	25CH1B_27	Phùng Nhật Nam	181	1	5,0	Nam	Nam	
7	112	25CH1D_30	Võ Kỳ Nam	182	1	5,5	Nam lười	Nam	
8	113	25CH1D_31	Phú Hữu Ngôn	183	1	6,0	Sau		
9	114	25CH1D_32	Nguyễn Công Minh Nguyên	184	1	6,0	Sau	Nguyễn	
10	115	25CH1A_27	Nguyễn Thị Bảo Nguyên	185	1	5,5	Nam lười	Nguyễn	
11	116	25CH1A_28	Lý Thanh Nhã	186	1	6,0	Sau		
12	117	25CS1A_30	Trần Nguyễn Nhân	187	1	5,0	Nam		
13	118	25CH1C_28	Châu Thị Tuyết Nhi	188	1	8,0	Tâm		
14	119	25CS1A_32	Đinh Quang Phát	174	1	6,5	Sau lười	Phát	
15	120	25CS1A_33	Lê Trần Toàn Phát	175	1	5,5	Nam lười		
16	121	25CH1B_29	Nguyễn Hoàng Tấn Phát	176	1	5,5	Nam lười	Phát	
17	122	25CH1D_33	Trương Tuấn Phát	177	1	9,0	Chín	Phát	
18	123	25CH1B_30	Chau Sóc Phi	178	1	8,0	Tâm		
19	124	25CH1B_32	Vũ Viết Hải Phi	179	1	7,0	Bảy		
20	125	25CH1B_33	Chau Sô Phiép	180	1	7,0	Bảy		
21	126	25CS1A_34	Lê Hồng Phong	166	1	4,5	Bốn lười		
22	127	25CH1A_29	Trần Trọng Phú	167	1	4,0	Bốn		
23	128	25CH1B_34	Hồ Thiện Phúc	168	1	6,5	Sau lười		
24	129	25CS1A_35	Phan Tấn Phúc	169	1	5,0	Nam	Phúc	
25	130	25CH1A_30	Trần Quang Phúc	170	1	5,5	Nam lười	Phúc	
26	131	25CH1C_31	Đặng Thị Kim Phượng	171	1	5,5	Nam lười		
27	132	25CH1A_32	Phạm Văn Minh Quân	172	1	4,0	Bốn		
28	133	25CH1C_32	Nguyễn Thế Quang	173	1	4,5	Bốn lười	Quang	
29	134	25CH1A_33	Lê Phú Quý	159	1	5,0	Nam		
30	135	25CH1A_34	Vũ Nguyễn Hoàng Sơn	160	1	5,0	Nam	Sơn	
31	136	25CH1B_38	Chau Sôth	161	1	5,0	Nam	Sôth	
32	137	25CH1A_35	Lưu Đức Tài	162	1	5,0	Nam		
33	138	25CH1D_35	Trần Nguyễn Phát Tài	163	1	6,0	Sau	Tài	
34	139	25CH1A_36	Hồ Khắc Tâm	164	1	7,0	Bảy		

35	140	25CH1B_39	Nguyễn Minh Tâm	165	1	6,5	Sâu lười	♂
36	141	25CH1D_36	Hà Nguyễn Duy Tân	151	1	6,0	Sâu	Tân
37	142	25CH1C_36	Phương Hoài Tân	152	1	5,0	Nằm	♂
38	143	25CS1A_37	Quách Việt Tân	153	1	5,5	Nằm lười	♂
39	144	25CH1C_37	Phan Nhứt Tấn	154	1	6,5	Sâu lười	tu
40	145	25CH1B_40	Nguyễn Bảo Thạch	155	1	5,0	Nằm	Thạch
41	146	25CS1A_39	Huỳnh Quang Thái	156	1	5,5	Nằm lười	Thái
42	147	25CH1C_38	Lê Quốc Thái	157	1	5,0	Nằm	♂
43	148	25CH1C_39	Trần Đức Thái	158	1	5,0	Nằm	♂
44	149	25CH1B_41	Đào Xuân Thắng	144	1	4,5	Bên lười	♂
45	150	25CS1A_38	Trần Thiện Thanh	145	1	5,0	Nằm	Thanh
46	151	25CH1A_37	Ngô Nguyễn Phước Thành	146	1	6,5	Sâu lười	thư
47	152	25CH1A_38	Nguyễn Thành Thật	147	1	6,5	Bên lười	thật
48	153	25CH1A_39	Đoàn Văn Thép	148	1	5,0	Nằm	Thép
49	154	25CS1A_40	Đinh Phi Thiên	149	1	6,5	Sâu lười	♂
50	155	25CH1C_40	Ngô Hoàng Thiên	150	1	6,5	Sâu lười	Thiên

Tổng số: 50

Số sinh viên có mặt: 50.

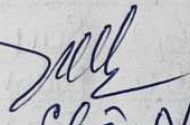
Số sinh vắng mặt: 00.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2026

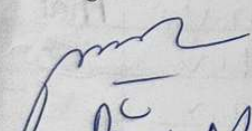
Số bài thi: 50.

Số tờ giấy thi: 50.

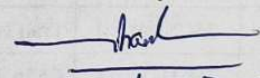
Giám thị 1


Châu Ngọc Du

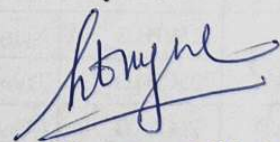
Duyệt
Trưởng khoa


Đặng Mạnh Cường

Giám thị 2


Ngô Hoàng Thanh

Thư ký khoa


Hồng Tuyết Ngân

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : Kỹ thuật an toàn điện

Khóa học : CDK2025

Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy

Ngày thi : 26/06/2026

Học kỳ: 2

Năm học: 2025

Phòng thi: Phòng A07

Giờ thi: 9.30

Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	156	25CH1C_41	Nguyễn Trường Thiên	69	1	5,5	Năm lược	Thiên	
2	157	25CH1D_38	Bùi Khắc Thiện	70	1	5,5	Năm lược	Thiên	
3	158	25CH1A_40	Bùi Trần Trung Thiện	71	1	5,25	Năm lược	Thiên	
4	159	25CH1D_39	Đào Công Thiện	72	1	3,25	Ba hai lần	Thiên	
5	160	25CH1B_42	Trần Nguyễn Quốc Thiện	73	1	4,0	Bốn	Thiên	
6	161	25CH1C_42	Trương Huỳnh Ngọc Thiện	74	1	9,25	Chín hai lần	T	
7	162	25CH1A_41	Đặng Phú Thịnh	75	1	5,25	Năm lược	Thiên	
8	163	25CH1C_43	Dương Hữu Thịnh	63	1	5,25	Năm lược	Thiên	X
9	164	25CH1A_42	Nguyễn Duy Thịnh	64	1	7,25	Bảy hai lần	Thịnh	
10	165	25CH1D_40	Nguyễn Hoàng Thịnh	—	—	—	—	—	Vết
11	166	25CH1A_43	Nguyễn Phan Cảnh Thịnh	65	1	5,5	Năm lược	Thiên	
12	167	25CH1D_41	Trần Phú Thịnh	66	1	5,5	Năm lược	Thiên	
13	168	25CH1B_43	Trần Thị Thu Thoa	67	1	6,0	Sáu	Thoa	
14	169	25CH1A_44	Nguyễn Nhật Minh Thuận	68	1	5,5	Năm lược	Thuan	
15	170	25CH1B_44	Trần Duy Thuận	54	1	5,5	Năm lược	Thuan	
16	171	25CH1C_44	Nguyễn Mai Tiên	55	1	6,0	Sáu	Tiên	
17	172	25CS1A_42	Mai Minh Tiên	56	1	6,0	Sáu	Tiên	
18	173	25CS1A_43	Phạm Nguyễn Đình Toàn	57	1	4,5	Bốn lược	Toàn	
19	174	25CS1A_44	Trần Cẩm Toàn	58	1	5,25	Năm lược	Toàn	
20	175	25CH1A_45	Trương Ngọc Toàn	59	1	5,5	Năm lược	Toàn	
21	176	25CH1B_45	Đoàn Thị Bích Trâm	60	1	6,0	Sáu	Trâm	
22	177	25CS1A_45	Nguyễn Trần Trâm	—	—	—	—	—	Vết
23	178	25CH1C_46	Nguyễn Thị Thu Trang	61	1	7,5	Bảy lược	Trang	
24	179	25CS1A_46	Huỳnh Túc Trí	62	1	5,25	Năm lược	Trí	
25	180	25CS1A_47	Lê Trung Nhật Trí	45	1	5,25	Năm lược	Trí	
26	181	25CH1B_46	Lê Văn Triết	46	1	5,25	Năm lược	Triết	
27	182	25CH1D_43	Trần Ngọc Mỹ Trinh	47	1	6,25	Sáu hai lần	Trinh	
28	183	25CH1A_46	Thượng Huỳnh Việt Trung	48	1	4,5	Bốn lược	Trung	
29	184	25CS1A_49	Ngô Doãn Xuân Trường	49	1	4,0	Bốn	Trường	
30	185	25CH1D_44	Nguyễn Anh Trường	50	1	3,5	Ba lược	Trường	
31	186	25CH1C_47	Nguyễn Đan Trường	51	1	7,5	Bảy lược	Trường	
32	187	25CH1B_49	Lại Tuấn Tú	52	1	4,0	Bốn	Tú	
33	188	25CS1A_50	Tạ Thái Tú	53	1	9,0	Chín	Tú	
34	189	25CH1C_48	Trần Phạm Anh Tuấn	—	—	—	—	—	Vết

35	190	25CH1B_48	Võ Hoàng Tuấn	35	1	3,5	Ba lượt	Tuấn	+
36	191	25CH1D_45	Võ Phi Quang Tuấn	36	1	7,25	Bảy hai lần		
37	192	25CH1D_46	Lưu Văn Tuyên	37	1	4,5	Bốn lượt		
38	193	25CS1A_51	Nguyễn Phạm Huy Uyên	38	1	6,25	Sáu hai lần		
39	194	25CH1A_47	Phạm Thái Tú Uyên	39	1	6,0	Sáu		
40	195	25CS1A_52	Lê Quốc Việt	40	1	4,75	Bốn hai lần	Vũ	
41	196	25CH1B_50	Ngô Thanh Vinh	41	1	10,0	Mười	Vinh	
42	197	25CH1D_48	Phan Thanh Vinh	42	1	5,5	Năm lượt		
43	198	25CH1C_49	Cao Bá Vũ	43	1	4,0	Bốn	Vũ	
44	199	25CH1A_48	Bùi Phương Vy	44	1	7,5	Bảy lượt		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Tổng số: 44
Số sinh viên có mặt: 44
Số sinh vắng mặt: 3

Số bài thi: 44
Số tờ giấy thi: 44

Giám thị 1

Nguyễn Hồng Ngọc

Duyệt

Trưởng khoa

Đặng Mạnh Cường

Giám thị 2

Nguyễn Thị Ngọc Phụng

Thư ký khoa

Hồng Tuyết Ngân